ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 123 /2026/QĐ-UBND	*Thanh Hóa, ngày 27 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy trình thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng các dự án đầu tư công, dự án sử dụng chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước, vốn ngân sách nhà nước khác không thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về đầu tư công do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã quyết định đầu tư

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật; số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025; số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 385/TTr-SXD ngày 30/9/2026;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy trình thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng các dự án đầu tư công, dự án sử dụng chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước, vốn ngân sách nhà nước khác không thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về đầu tư công do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã quyết định đầu tư.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy trình thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật

đầu tư xây dựng các dự án đầu tư công, dự án sử dụng chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước, vốn ngân sách nhà nước khác không thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về đầu tư công do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã quyết định đầu tư.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 07 tháng 11 năm 2026.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 63/2025/QĐ-UBND ngày 29/6/2025 của UBND tỉnh ban hành Quy trình thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng các dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công do UBND cấp tỉnh, cấp xã quyết định đầu tư.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng (để b/c);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Các đoàn thể cấp tỉnh;
- Đảng ủy các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Thanh Hóa;
- Công báo tỉnh Thanh Hóa;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, HCTC, NNMT, VHXH, CNXDNgọc

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Tô Anh Dũng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY TRÌNH
Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng các dự án đầu tư công, dự án sử dụng chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước, vốn ngân sách nhà nước khác không thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về đầu tư công do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã quyết định đầu tư

(Kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy trình này quy định về quy trình thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng đối với:

1. Dự án đầu tư công do UBND cấp tỉnh, cấp xã quyết định đầu tư.

2. Dự án sử dụng chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước, vốn ngân sách nhà nước khác không thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về đầu tư công do UBND cấp tỉnh, cấp xã quyết định đầu tư.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy trình này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến công tác thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng các dự án đầu tư công, dự án sử dụng chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước, vốn ngân sách nhà nước khác không thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về đầu tư công do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã quyết định đầu tư, gồm:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc UBND tỉnh, gồm: Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương.

3. Các cơ quan trực thuộc UBND tỉnh.

4. Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc UBND cấp xã (Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị).

5. Cơ quan chuẩn bị dự án, gồm: chủ đầu tư hoặc cơ quan, tổ chức được Chủ tịch UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp xã giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án trong trường hợp chưa xác định được chủ đầu tư.

6. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc thẩm định, phê duyệt

1. Việc thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng phải bảo đảm đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật có liên quan và Quy trình này.

2. Đối với báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, việc thẩm định được thực hiện đồng thời giữa việc thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và việc thẩm định của người quyết định đầu tư.

3. Hồ sơ trình được xem là hợp lệ khi:

a) Có đủ các hồ sơ, tài liệu quy định, đúng quy cách, được trình bày với ngôn ngữ chính là tiếng Việt và được cơ quan chuẩn bị dự án kiểm tra, xác nhận;

b) Các giấy tờ, tài liệu nộp trực tiếp phải có xác nhận của cơ quan chuẩn bị dự án; trường hợp nộp trực tuyến phải được ký số theo quy định.

Chương II
QUY TRÌNH THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT ĐỐI VỚI DỰ ÁN DO ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ
(Trường hợp dự án lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng)

Điều 4. Cơ quan chủ trì thẩm định

1. Cơ quan chủ trì thẩm định là Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, cụ thể:

a) Sở Xây dựng đối với dự án đầu tư xây dựng dân dụng; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, khu nhà ở; dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu chức năng; dự án đầu tư xây dựng công nghiệp nhẹ, công nghiệp vật liệu xây dựng; dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật và dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông; dự án đầu tư xây dựng công trình an ninh.

b) Sở Nông nghiệp và Môi trường đối với dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và môi trường.

c) Sở Công Thương đối với dự án đầu tư xây dựng công trình công nghiệp (trừ dự án, công trình do Sở Xây dựng thẩm định theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này).

2. Đối với dự án gồm nhiều công trình với nhiều loại và cấp khác nhau, thẩm quyền thẩm định của cơ quan chủ trì thẩm định được xác định theo công trình chính của dự án hoặc công trình chính có cấp cao nhất trong trường hợp dự án có nhiều công trình chính.

Trường hợp các công trình chính có cùng một cấp, cơ quan chuẩn bị dự án được lựa chọn trình thẩm định tại cơ quan quản lý công trình xây dựng chuyên ngành theo cấp của một công trình chính của dự án.

Điều 5. Quy trình thẩm định

1. Tiếp nhận hồ sơ

a) Cơ quan chuẩn bị dự án nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công theo hình thức trực tiếp, thông qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến.

b) Bộ phận tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, tiếp nhận hoặc từ chối tiếp nhận hồ sơ theo quy định, văn bản từ chối tiếp nhận phải nêu rõ lý do. Hồ sơ trình thẩm định bị từ chối tiếp nhận trong các trường hợp sau:

- Trình thẩm định không đúng với thẩm quyền của cơ quan chủ trì thẩm định hoặc cơ quan chuẩn bị dự án không đúng thẩm quyền theo quy định tại Nghị định số 217/2026/NĐ-CP (nội dung xác định theo Văn bản đề nghị thẩm định);

- Không thuộc đối tượng hoặc nội dung phải thẩm định tại cơ quan chủ trì thẩm định theo quy định;

- Hồ sơ trình thẩm định không hợp lệ theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Quy trình này.

2. Tổ chức thẩm định

a) Trong thời hạn 02 ngày làm việc sau khi tiếp nhận hồ sơ trình thẩm định, cơ quan chủ trì thẩm định có trách nhiệm:

- Xem xét, gửi một lần yêu cầu bổ sung thành phần hồ sơ trình thẩm định bằng văn bản đến cơ quan chuẩn bị dự án (chỉ yêu cầu các văn bản, tài liệu có liên quan trực tiếp đến nội dung thẩm định, có căn cứ pháp lý và thực sự cần thiết cho việc xem xét, đánh giá hồ sơ; không yêu cầu chủ đầu tư cung cấp các tài liệu ngoài quy định hoặc không có căn cứ pháp lý).

- Có văn bản từ chối thẩm định trong trường hợp xác định nội dung trong hồ sơ trình thẩm định khác với nội dung nêu tại Văn bản đề nghị thẩm định dẫn đến việc từ chối thẩm định do trình thẩm định không đúng với thẩm quyền của cơ quan chủ trì thẩm định hoặc cơ quan chuẩn bị dự án không đúng thẩm quyền theo quy định tại Nghị định số 217/2026/NĐ-CP (nội dung xác định theo Văn bản đề nghị thẩm định) hoặc không thuộc đối tượng hoặc nội dung phải thẩm định tại cơ quan chủ trì thẩm định theo quy định.

b) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chủ trì thẩm định có trách nhiệm tổ chức lấy ý kiến tham gia thẩm định của các cơ quan, đơn vị có liên quan theo quy định.

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, cơ quan, đơn vị được lấy ý kiến có trách nhiệm tham gia ý kiến thẩm định đối với các nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ, phạm vi quản lý của mình và gửi cơ quan chủ trì thẩm định.

d) Trường hợp các công trình chính có cùng một cấp, cơ quan chủ trì thẩm định có trách nhiệm lấy ý kiến thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng theo chuyên ngành đối với các công trình chính còn lại trong quá trình thẩm định. Thời gian thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng theo chuyên ngành đối với các công trình chính còn lại của dự án được thực hiện đồng thời với thời gian thẩm định của cơ quan chủ trì và không tính cộng vào tổng thời gian thẩm định dự án.

Cơ quan chuyên môn về xây dựng theo chuyên ngành có trách nhiệm hoàn thành việc thẩm định và gửi văn bản thẩm định cho cơ quan chủ trì chậm nhất 02 ngày làm việc trước thời điểm cơ quan chủ trì dự kiến ban hành thông báo kết quả thẩm định để tổng hợp.

đ) Trong quá trình thẩm định, cơ quan chủ trì thẩm định có quyền tạm dừng thẩm định (không quá 01 lần) và có văn bản gửi cơ quan chuẩn bị dự án về các lỗi, sai sót về thông tin, số liệu trong nội dung hồ sơ dẫn đến không thể đưa ra kết luận thẩm định.

e) Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của cơ quan chủ trì thẩm định về việc bổ sung thành phần hồ sơ trình thẩm định và theo quy định tại điểm đ khoản này (không kể thời gian do các lý do bất khả kháng), nếu cơ quan chuẩn bị dự án không thực hiện việc khắc phục, bổ sung hồ sơ theo yêu cầu thì cơ quan chủ trì thẩm định dừng việc thẩm định. Cơ quan chuẩn bị dự án nhận lại hồ sơ trình thẩm định tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công. Trường hợp cơ quan chuẩn bị dự án nộp lại hồ sơ sau khi bổ sung, hoàn thiện theo yêu cầu, thời hạn thẩm định được tính lại từ đầu theo quy định.

g) Cơ quan chủ trì thẩm định tổng hợp kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng (nếu có), kết quả thẩm định của chủ đầu tư (nếu có); kết quả thẩm định của Sở Tài chính; ý kiến của các cơ quan thực hiện chức năng quản lý ngành, lĩnh vực có liên quan (nếu có), ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đối với các dự án thuộc Danh mục dự án trọng yếu có yêu cầu về bảo đảm quốc phòng, an ninh, tổ chức thẩm định, ra thông báo kết quả thẩm định gửi cơ quan chuẩn bị dự án.

Kết quả thẩm định theo Mẫu số 08 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 217/2026/NĐ-CP.

h) Trong thời gian không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đủ điều kiện và phù hợp với các quy định hiện hành, cơ quan chủ trì thẩm định có trách nhiệm tổng hợp, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Dự án, quyết định đầu tư xây dựng.

3. Trách nhiệm thẩm định

a) Cơ quan chủ trì thẩm định: thẩm định các nội dung của cơ quan chuyên môn về xây dựng quy định tại khoản 4 Điều 27 Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 và các nội dung của cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư quy định tại khoản 3 Điều 26 Luật Xây dựng số 135/2025/QH15, trừ nội dung quy định tại điểm h khoản 3 Điều 26 Luật Xây dựng, nội dung thẩm định của Sở Tài chính quy định tại điểm b khoản này và nội dung thẩm định của chủ đầu tư quy định tại điểm c khoản này.

b) Sở Tài chính chịu trách nhiệm thẩm định về nguồn vốn, khả năng cân đối nguồn vốn thực hiện dự án, tiến độ thực hiện dự án và phân kỳ đầu tư (nếu có), hiệu quả về kinh tế - xã hội, các yếu tố bảo đảm tính khả thi, hiệu quả của dự án.

c) Chủ đầu tư chịu trách nhiệm thẩm định:

- Các nội dung quy định tại điểm a, c và d khoản 1 Điều 30 Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 đối với dự án lập thiết kế kỹ thuật tổng thể (Front - End Engineering Design, sau đây gọi là thiết kế FEED), thiết kế kỹ thuật tại Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng.

- Các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 206/2026/NĐ-CP đối với dự án lập thiết kế FEED, thiết kế kỹ thuật tại Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng.

4. Tổng thời gian thực hiện thẩm định

a) Thời gian thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng được tính từ ngày cơ quan thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cụ thể như sau:

- Không quá 60 ngày đối với dự án quan trọng quốc gia;

- Không quá 25 ngày làm việc đối với dự án nhóm A có công trình cấp I trở lên; không quá 20 ngày làm việc đối với các dự án nhóm A còn lại;

- Không quá 20 ngày làm việc đối với dự án nhóm B có công trình cấp I trở lên; không quá 16 ngày làm việc đối với các dự án nhóm B còn lại;

- Không quá 15 ngày làm việc đối với dự án nhóm C có công trình cấp I trở lên; không quá 12 ngày làm việc đối với các dự án nhóm C còn lại.

b) Trường hợp cần gia hạn thời gian thẩm định thì cơ quan thẩm định phải

có văn bản gửi đến người đề nghị thẩm định, nêu rõ về lý do gia hạn, thời gian gia hạn. Cơ quan thẩm định chỉ được gia hạn thẩm định 01 lần, thời gian gia hạn không quá thời gian thẩm định tương ứng được quy định tại điểm a khoản này.

Điều 6. Thẩm định dự án đầu tư công quan trọng quốc gia

1. Trường hợp dự án đầu tư công là dự án quan trọng quốc gia, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được thành lập Hội đồng thẩm định để thực hiện thẩm định dự án. Trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là người quyết định đầu tư, Hội đồng thẩm định thực hiện đồng thời việc thẩm định của người quyết định đầu tư và của cơ quan chuyên môn về xây dựng.

2. Sau khi tiếp nhận hồ sơ trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về xây dựng đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định để thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng. Cơ quan chuyên môn về xây dựng theo chuyên ngành quản lý của dự án là Cơ quan thường trực Hội đồng.

3. Trong thời gian 04 ngày làm việc kể từ khi nhận được đề xuất của cơ quan chuyên môn về xây dựng, Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập Hội đồng thẩm định theo quy định tại Điều 34 Nghị định số 217/2026/NĐ-CP.

4. Việc thẩm định của Hội đồng thẩm định thực hiện theo quy chế làm việc của Hội đồng thẩm định.

Điều 7. Quy trình phê duyệt dự án

1. Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt dự án trong thời gian không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ và đề nghị của cơ quan chủ trì thẩm định.

2. Việc quyết định đầu tư xây dựng được thể hiện tại quyết định phê duyệt dự án theo Mẫu số 09 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 217/2026/NĐ-CP.

Chương III
QUY TRÌNH THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT ĐỐI VỚI DỰ ÁN DO ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ
(Trường hợp dự án lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng)

Điều 8. Cơ quan chủ trì thẩm định

1. Cơ quan chủ trì thẩm định là Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, cụ thể theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy trình này.

2. Đối với dự án gồm nhiều công trình với nhiều loại và cấp khác nhau, thẩm quyền thẩm định của cơ quan chủ trì thẩm định được xác định theo công

trình chính của dự án hoặc công trình chính có cấp cao nhất trong trường hợp dự án có nhiều công trình chính.

Trường hợp các công trình chính có cùng một cấp, cơ quan chuẩn bị dự án được lựa chọn trình thẩm định tại cơ quan quản lý công trình xây dựng chuyên ngành theo cấp của một công trình chính của dự án.

Điều 9. Thành phần hồ sơ

1. Văn bản đề nghị thẩm định theo Mẫu số 04 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 217/2026/NĐ-CP.

2. Văn bản về chủ trương đầu tư xây dựng dự án hoặc văn bản phê duyệt thông tin dự án hoặc quyết định phê duyệt Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đối với dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp.

3. Văn bản phê duyệt phương án thiết kế kiến trúc được lựa chọn theo pháp luật về kiến trúc thông qua thi tuyển và bản vẽ kèm theo (nếu có yêu cầu thi tuyển).

4. Văn bản chấp thuận hoặc quyết định phê duyệt và các bản vẽ quy hoạch có liên quan của quy hoạch sử dụng làm căn cứ lập dự án theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 217/2026/NĐ-CP.

5. Các văn bản thỏa thuận, xác nhận về đấu nối hạ tầng kỹ thuật của dự án; văn bản chấp thuận độ cao công trình theo quy định của Chính phủ về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam (trường hợp dự án không thuộc khu vực hoặc đối tượng có yêu cầu lấy ý kiến thống nhất về bề mặt quản lý độ cao công trình tại giai đoạn phê duyệt quy hoạch xây dựng) (nếu có).

6. Các văn bản pháp lý, tài liệu khác có liên quan (nếu có).

7. Hồ sơ khảo sát xây dựng được phê duyệt.

8. Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng (theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Nghị định số 217/2026/NĐ-CP).

9. Danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng.

10. Thiết kế bản vẽ thi công (bao gồm bản vẽ và thuyết minh), thiết kế công nghệ (nếu có).

11. Báo cáo kết quả thẩm tra (nếu có).

12. Đối với dự án có vi phạm hành chính về xây dựng đã bị xử phạt và thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả có yêu cầu thực hiện thẩm định, thẩm định điều chỉnh, cấp giấy phép xây dựng hoặc điều chỉnh giấy phép xây dựng, hồ sơ trình thẩm định còn phải có các nội dung: Báo cáo của chủ đầu tư về quá trình thực hiện dự án, tình hình thực tế thi công các công trình xây dựng của dự án đến thời

điểm trình thẩm định; biên bản, quyết định xử phạt vi phạm hành chính của cấp có thẩm quyền; Báo cáo kiểm định của tổ chức kiểm định xây dựng đánh giá về khả năng chịu lực của phần công trình đã thi công xây dựng.

13. Đối với dự án sửa chữa, cải tạo, hồ sơ trình thẩm định còn phải có các nội dung: Hồ sơ khảo sát hiện trạng, Báo cáo kiểm định của tổ chức kiểm định xây dựng đánh giá về khả năng chịu lực của công trình (trường hợp nội dung sửa chữa, cải tạo có liên quan).

14. Ngoài các hồ sơ nêu trên, đối với các công trình xây dựng mới từ cấp II trở lên, người đề nghị thẩm định có trách nhiệm cung cấp dữ liệu BIM được nộp theo các định dạng chuẩn mở IFC hoặc các định dạng mở khác phù hợp với đặc thù, tính chất của công trình (trừ trường hợp người quyết định đầu tư quyết định việc không áp dụng BIM đối với dự án đầu tư xây dựng công trình theo tuyến, dự án đầu tư xây dựng tại khu vực có tính chất đặc thù, dự án có yêu cầu bảo đảm bí mật nhà nước).

15. Đối với thành phần hồ sơ, tài liệu đã có trong các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, giấy tờ đã tích hợp và được chia sẻ từ VNeID, cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính phải chủ động khai thác, tái sử dụng và tuyệt đối không yêu cầu người dân, doanh nghiệp cung cấp thông tin. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác thì cơ quan, người có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ để giải quyết thủ tục hành chính.

Điều 10. Quy trình thẩm định

1. Tiếp nhận hồ sơ

Theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Quy trình này.

2. Tổ chức thẩm định

a) Trong thời hạn 02 ngày làm việc sau khi tiếp nhận hồ sơ trình thẩm định, cơ quan chủ trì thẩm định có trách nhiệm:

- Xem xét, gửi một lần yêu cầu bổ sung thành phần hồ sơ trình thẩm định bằng văn bản đến cơ quan chuẩn bị dự án (chỉ yêu cầu các văn bản, tài liệu có liên quan trực tiếp đến nội dung thẩm định, có căn cứ pháp lý và thực sự cần thiết cho việc xem xét, đánh giá hồ sơ; không yêu cầu chủ đầu tư cung cấp các tài liệu ngoài quy định hoặc không có căn cứ pháp lý).

- Có văn bản từ chối thẩm định trong trường hợp xác định nội dung trong hồ sơ trình thẩm định khác với nội dung nêu tại Văn bản đề nghị thẩm định dẫn đến việc từ chối thẩm định do trình thẩm định không đúng với thẩm quyền của cơ quan chủ trì thẩm định hoặc cơ quan chuẩn bị dự án không đúng thẩm quyền theo

quy định tại Nghị định số 217/2026/NĐ-CP (nội dung xác định theo Văn bản đề nghị thẩm định) hoặc không thuộc đối tượng hoặc nội dung phải thẩm định tại cơ quan chủ trì thẩm định theo quy định.

b) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chủ trì thẩm định có trách nhiệm tổ chức lấy ý kiến tham gia thẩm định của các cơ quan, đơn vị có liên quan theo quy định.

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, cơ quan, đơn vị được lấy ý kiến có trách nhiệm tham gia ý kiến thẩm định đối với các nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ, phạm vi quản lý của mình và gửi cơ quan chủ trì thẩm định.

d) Trong quá trình thẩm định, cơ quan chủ trì thẩm định có quyền tạm dừng thẩm định (không quá 01 lần) và có văn bản gửi cơ quan chuẩn bị dự án về các lỗi, sai sót về thông tin, số liệu trong nội dung hồ sơ dẫn đến không thể đưa ra kết luận thẩm định.

đ) Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của cơ quan chủ trì thẩm định về việc bổ sung thành phần hồ sơ trình thẩm định và theo quy định tại điểm d khoản này (không kể thời gian do các lý do bất khả kháng), nếu cơ quan chuẩn bị dự án không thực hiện việc khắc phục, bổ sung hồ sơ theo yêu cầu thì cơ quan chủ trì thẩm định dừng việc thẩm định. Cơ quan chuẩn bị dự án nhận lại hồ sơ trình thẩm định tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công. Trường hợp cơ quan chuẩn bị dự án nộp lại hồ sơ sau khi bổ sung, hoàn thiện theo yêu cầu, thời hạn thẩm định được tính lại từ đầu theo quy định.

e) Cơ quan chủ trì thẩm định tổng hợp ý kiến tham gia của các đơn vị (nếu có), kết quả thẩm định của chủ đầu tư; kết quả thẩm định của Sở Tài chính; ý kiến của các cơ quan thực hiện chức năng quản lý ngành, lĩnh vực có liên quan (nếu có), ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đối với các dự án thuộc Danh mục dự án trọng yếu có yêu cầu về bảo đảm quốc phòng, an ninh, tổ chức thẩm định, thông báo kết quả thẩm định gửi cơ quan chuẩn bị dự án.

Kết quả thẩm định theo Mẫu số 06 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 217/2026/NĐ-CP.

g) Trong thời gian không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đủ điều kiện và phù hợp với các quy định hiện hành, cơ quan chủ trì thẩm định có trách nhiệm tổng hợp, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Dự án, quyết định đầu tư xây dựng.

3. Trách nhiệm thẩm định

a) Cơ quan chủ trì thẩm định: thẩm định các nội dung của cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư quy định tại khoản 3 Điều 26 Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 trừ nội dung thẩm định của Sở Tài chính quy định tại

điểm b khoản này và các nội dung thẩm định của chủ đầu tư quy định tại điểm c khoản này.

b) Sở Tài chính chịu trách nhiệm thẩm định về nguồn vốn, khả năng cân đối nguồn vốn thực hiện dự án, tiến độ thực hiện dự án và phân kỳ đầu tư (nếu có), hiệu quả về kinh tế - xã hội, các yếu tố bảo đảm tính khả thi, hiệu quả của dự án.

c) Chủ đầu tư chịu trách nhiệm thẩm định:

- Các nội dung quy định tại điểm h khoản 3 Điều 26 Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;

- Các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 206/2026/NĐ-CP.

4. Tổng thời gian thực hiện thẩm định

a) Thời gian thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng được tính từ ngày cơ quan thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cụ thể như sau:

Không quá 15 ngày làm việc đối với dự án có công trình cấp I trở lên; không quá 12 ngày làm việc đối với các dự án còn lại.

b) Trường hợp cần gia hạn thời gian thẩm định thì cơ quan thẩm định phải có văn bản gửi đến người đề nghị thẩm định, nêu rõ về lý do gia hạn, thời gian gia hạn. Cơ quan thẩm định chỉ được gia hạn thẩm định 01 lần, thời gian gia hạn không quá thời gian thẩm định tương ứng được quy định tại điểm a khoản này.

Điều 11. Quy trình phê duyệt dự án

1. Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt dự án trong thời gian không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ và đề nghị của cơ quan chủ trì thẩm định.

2. Việc quyết định đầu tư xây dựng được thể hiện tại quyết định phê duyệt dự án theo Mẫu số 10 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 217/2026/NĐ-CP.

Chương IV
QUY TRÌNH THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT ĐỐI VỚI DỰ ÁN DO ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ
(Trường hợp dự án lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng)

Điều 12. Cơ quan chủ trì thẩm định

Cơ quan chủ trì thẩm định là Phòng Kinh tế (đối với UBND xã) hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với UBND phường).

Điều 13. Quy trình thẩm định

1. Tiếp nhận hồ sơ

Theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Quy trình này.

2. Tổ chức thẩm định

a) Trong thời hạn 02 ngày làm việc sau khi tiếp nhận hồ sơ trình thẩm định, cơ quan chủ trì thẩm định có trách nhiệm:

- Xem xét, gửi một lần yêu cầu bổ sung thành phần hồ sơ trình thẩm định bằng văn bản đến cơ quan chuẩn bị dự án (chỉ yêu cầu các văn bản, tài liệu có liên quan trực tiếp đến nội dung thẩm định, có căn cứ pháp lý và thực sự cần thiết cho việc xem xét, đánh giá hồ sơ; không yêu cầu chủ đầu tư cung cấp các tài liệu ngoài quy định hoặc không có căn cứ pháp lý).

- Có văn bản từ chối thẩm định trong trường hợp xác định nội dung trong hồ sơ trình thẩm định khác với nội dung nêu tại Văn bản đề nghị thẩm định dẫn đến việc từ chối thẩm định do trình thẩm định không đúng với thẩm quyền của cơ quan chủ trì thẩm định hoặc cơ quan chuẩn bị dự án không đúng thẩm quyền theo quy định tại Nghị định số 217/2026/NĐ-CP (nội dung xác định theo Văn bản đề nghị thẩm định) hoặc không thuộc đối tượng hoặc nội dung phải thẩm định tại cơ quan chủ trì thẩm định theo quy định.

b) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chủ trì thẩm định có trách nhiệm tổ chức lấy ý kiến tham gia thẩm định của các cơ quan, đơn vị có liên quan theo quy định.

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, cơ quan, đơn vị được lấy ý kiến có trách nhiệm tham gia ý kiến thẩm định đối với các nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ, phạm vi quản lý của mình và gửi cơ quan chủ trì thẩm định.

d) Trong quá trình thẩm định, cơ quan chủ trì thẩm định có quyền tạm dừng thẩm định (không quá 01 lần) và có văn bản gửi cơ quan chuẩn bị dự án về các lỗi, sai sót về thông tin, số liệu trong nội dung hồ sơ dẫn đến không thể đưa ra kết luận thẩm định.

đ) Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của cơ quan chủ trì thẩm định về việc bổ sung thành phần hồ sơ trình thẩm định và theo quy định tại điểm d khoản này (không kể thời gian do các lý do bất khả kháng), nếu cơ quan chuẩn bị dự án không thực hiện việc khắc phục, bổ sung hồ sơ theo yêu cầu thì cơ quan chủ trì thẩm định dừng việc thẩm định. Cơ quan chuẩn bị dự án nhận lại hồ sơ trình thẩm định tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công. Trường hợp cơ quan chuẩn bị dự án nộp lại hồ sơ sau khi bổ sung, hoàn thiện theo yêu cầu, thời hạn thẩm định được tính lại từ đầu theo quy định.

e) Cơ quan chủ trì thẩm định tổng hợp kết quả thẩm định của chủ đầu tư (nếu có); ý kiến của các cơ quan thực hiện chức năng quản lý ngành, lĩnh vực có liên quan (nếu có), ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đối với các dự án

thuộc Danh mục dự án trọng yếu có yêu cầu về bảo đảm quốc phòng, an ninh, tổ chức thẩm định, ra thông báo kết quả thẩm định gửi cơ quan chuẩn bị dự án.

Kết quả thẩm định theo Mẫu số 08 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 217/2026/NĐ-CP.

g) Trong thời gian không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đủ điều kiện và phù hợp với các quy định hiện hành, cơ quan chủ trì thẩm định có trách nhiệm tổng hợp, trình Chủ tịch UBND cấp xã phê duyệt Dự án, quyết định đầu tư xây dựng.

3. Trách nhiệm thẩm định

a) Cơ quan chủ trì thẩm định: thẩm định các nội dung của cơ quan chuyên môn về xây dựng quy định tại khoản 4 Điều 27 Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 và các nội dung của cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư quy định tại khoản 3 Điều 26 Luật Xây dựng số 135/2025/QH15, trừ nội dung quy định tại điểm h khoản 3 Điều 26 Luật Xây dựng.

b) Chủ đầu tư chịu trách nhiệm thẩm định:

- Các nội dung quy định tại điểm a, c và d khoản 1 Điều 30 Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 đối với dự án lập thiết kế FEED, thiết kế kỹ thuật tại Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng.

- Các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 206/2026/NĐ-CP đối với dự án lập thiết kế FEED, thiết kế kỹ thuật tại Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng.

4. Tổng thời gian thực hiện thẩm định

a) Thời gian thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng được tính từ ngày cơ quan thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cụ thể như sau:

- Không quá 20 ngày làm việc đối với dự án nhóm B có công trình cấp I trở lên; không quá 16 ngày làm việc đối với các dự án nhóm B còn lại;

- Không quá 15 ngày làm việc đối với dự án nhóm C có công trình cấp I trở lên; không quá 12 ngày làm việc đối với các dự án nhóm C còn lại.

b) Trường hợp cần gia hạn thời gian thẩm định thì cơ quan thẩm định phải có văn bản gửi đến người đề nghị thẩm định, nêu rõ về lý do gia hạn, thời gian gia hạn. Cơ quan thẩm định chỉ được gia hạn thẩm định 01 lần, thời gian gia hạn không quá thời gian thẩm định tương ứng được quy định tại điểm a khoản này.

Điều 14. Quy trình phê duyệt dự án

1. Chủ tịch UBND cấp xã xem xét, phê duyệt dự án trong thời gian không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của cơ quan chủ trì thẩm định.

2. Việc quyết định đầu tư xây dựng được thể hiện tại quyết định phê duyệt dự án theo Mẫu số 09 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 217/2026/NĐ-CP.

Chương V
QUY TRÌNH THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT ĐỐI VỚI DỰ ÁN DO ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ
(Trường hợp dự án lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng)

Điều 15. Cơ quan chủ trì thẩm định

Cơ quan chủ trì thẩm định là Phòng Kinh tế (đối với UBND xã) hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với UBND phường).

Điều 16. Thành phần hồ sơ

Theo quy định tại Điều 9 Quy trình này.

Điều 17. Quy trình thẩm định

1. Tiếp nhận hồ sơ

Theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Quy trình này.

2. Tổ chức thẩm định

a) Trong thời hạn 02 ngày làm việc sau khi tiếp nhận hồ sơ trình thẩm định, cơ quan chủ trì thẩm định có trách nhiệm:

- Xem xét, gửi một lần yêu cầu bổ sung thành phần hồ sơ trình thẩm định bằng văn bản đến cơ quan chuẩn bị dự án (chỉ yêu cầu các văn bản, tài liệu có liên quan trực tiếp đến nội dung thẩm định, có căn cứ pháp lý và thực sự cần thiết cho việc xem xét, đánh giá hồ sơ; không yêu cầu chủ đầu tư cung cấp các tài liệu ngoài quy định hoặc không có căn cứ pháp lý).

- Có văn bản từ chối thẩm định trong trường hợp xác định nội dung trong hồ sơ trình thẩm định khác với nội dung nêu tại Văn bản đề nghị thẩm định dẫn đến việc từ chối thẩm định do trình thẩm định không đúng với thẩm quyền của cơ quan chủ trì thẩm định hoặc cơ quan chuẩn bị dự án không đúng thẩm quyền theo quy định tại Nghị định số 217/2026/NĐ-CP (nội dung xác định theo Văn bản đề nghị thẩm định) hoặc không thuộc đối tượng hoặc nội dung phải thẩm định tại cơ quan chủ trì thẩm định theo quy định.

b) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chủ trì thẩm định có trách nhiệm tổ chức lấy ý kiến tham gia thẩm định của các cơ quan, đơn vị có liên quan theo quy định.

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, cơ quan, đơn vị được lấy ý kiến có trách nhiệm tham gia ý kiến thẩm định đối với các nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ, phạm vi quản lý của mình và

gửi cơ quan chủ trì thẩm định.

d) Trong quá trình thẩm định, cơ quan chủ trì thẩm định có quyền tạm dừng thẩm định (không quá 01 lần) và có văn bản gửi cơ quan chuẩn bị dự án về các lỗi, sai sót về thông tin, số liệu trong nội dung hồ sơ dẫn đến không thể đưa ra kết luận thẩm định.

đ) Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của cơ quan chủ trì thẩm định về việc bổ sung thành phần hồ sơ trình thẩm định và theo quy định tại điểm d khoản này (không kể thời gian do các lý do bất khả kháng), nếu cơ quan chuẩn bị dự án không thực hiện việc khắc phục, bổ sung hồ sơ theo yêu cầu thì cơ quan chủ trì thẩm định dừng việc thẩm định. Cơ quan chuẩn bị dự án nhận lại hồ sơ trình thẩm định tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công. Trường hợp cơ quan chuẩn bị dự án nộp lại hồ sơ sau khi bổ sung, hoàn thiện theo yêu cầu, thời hạn thẩm định được tính lại từ đầu theo quy định.

e) Cơ quan chủ trì thẩm định tổng hợp ý kiến tham gia của các đơn vị (nếu có), kết quả thẩm định của chủ đầu tư; ý kiến của các cơ quan thực hiện chức năng quản lý ngành, lĩnh vực có liên quan (nếu có), ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đối với các dự án thuộc Danh mục dự án trọng yếu có yêu cầu về bảo đảm quốc phòng, an ninh, tổ chức thẩm định, thông báo kết quả thẩm định gửi cơ quan chuẩn bị dự án.

Kết quả thẩm định theo Mẫu số 06 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 217/2026/NĐ-CP.

g) Trong thời gian không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đủ điều kiện và phù hợp với các quy định hiện hành, cơ quan chủ trì thẩm định có trách nhiệm tổng hợp, trình Chủ tịch UBND cấp xã phê duyệt Dự án, quyết định đầu tư xây dựng.

3. Trách nhiệm thẩm định

a) Cơ quan chủ trì thẩm định: thẩm định các nội dung của cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư quy định tại khoản 3 Điều 26 Luật Xây dựng số 135/2025/QH15, trừ nội dung thẩm định của chủ đầu tư quy định tại điểm b khoản này.

b) Chủ đầu tư chịu trách nhiệm thẩm định:

- Các nội dung quy định tại điểm h khoản 3 Điều 26 Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;

- Các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 206/2026/NĐ-CP.

4. Tổng thời gian thực hiện thẩm định

a) Thời gian thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng được tính từ ngày cơ quan thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cụ thể như sau:

Không quá 15 ngày làm việc đối với dự án có công trình cấp I trở lên; không quá 12 ngày làm việc đối với các dự án còn lại.

b) Trường hợp cần gia hạn thời gian thẩm định thì cơ quan thẩm định phải có văn bản gửi đến người đề nghị thẩm định, nêu rõ về lý do gia hạn, thời gian gia hạn. Cơ quan thẩm định chỉ được gia hạn thẩm định 01 lần, thời gian gia hạn không quá thời gian thẩm định tương ứng được quy định tại điểm a khoản này.

Điều 18. Quy trình phê duyệt dự án

1. Chủ tịch UBND cấp xã xem xét, phê duyệt dự án trong thời gian không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của cơ quan chủ trì thẩm định.

2. Việc quyết định đầu tư xây dựng được thể hiện tại quyết định phê duyệt dự án theo Mẫu số 10 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 217/2026/NĐ-CP.

Chương VI
QUY TRÌNH THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT ĐIỀU CHỈNH

Điều 19. Quy trình thẩm định, phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng

1. Quy trình thẩm định, phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng thực hiện theo quy định tương ứng tại Chương II đến Chương V của Quy trình này.

2. Hồ sơ trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Nghị định số 217/2026/NĐ-CP.

3. Hồ sơ trình thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng điều chỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 9 Quy trình này và phải làm rõ các nội dung sau:

a) Lý do, mục tiêu điều chỉnh dự án, việc đáp ứng điều kiện điều chỉnh dự án theo pháp luật có liên quan;

b) Báo cáo của chủ đầu tư hoặc cơ quan chuẩn bị dự án về quá trình thực hiện dự án, tình hình thực tế thi công các công trình xây dựng của dự án đến thời điểm đề xuất điều chỉnh.

4. Việc điều chỉnh dự án chỉ cần lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 40 Nghị định số 217/2026/NĐ-CP.

Chương VII
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Tổ chức thực hiện

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch UBND cấp xã

Thực hiện quyền và trách nhiệm của người quyết định đầu tư theo quy định tại Điều 39 Luật Xây dựng số 135/2025/QH15.

2. Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương)

a) Theo chức năng, nhiệm vụ và chuyên ngành, phạm vi quản lý thực hiện việc thẩm định, thẩm định điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng bảo đảm đúng quy định.

b) Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc thực hiện thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng bảo đảm đúng quy định của pháp luật, phát huy hiệu quả đầu tư.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Bảo đảm nhân lực và điều kiện cần thiết để cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện tốt nhiệm vụ thẩm định, thẩm định điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng theo đúng quy định của pháp luật.

b) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ thẩm định, thẩm định điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng của cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ theo thẩm quyền.

4. Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã

Thực hiện thẩm định, thẩm định điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng theo đúng thẩm quyền, trình tự, nội dung và thời hạn quy định của pháp luật và Quy trình này.

5. Cơ quan chuẩn bị dự án

a) Tổ chức lập, hoàn thiện hồ sơ dự án theo quy định; chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác, hợp pháp của hồ sơ trình thẩm định.

b) Trình hồ sơ đúng thành phần, số lượng, hình thức và thời hạn theo quy định; phối hợp với cơ quan thẩm định và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong quá trình thẩm định.

c) Kịp thời bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, giải trình, làm rõ các nội dung theo yêu cầu của cơ quan thẩm định; tổ chức hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến thẩm định trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

6. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm phối hợp thực hiện Quy trình này theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền được giao.

7. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị liên quan phản hồi bằng văn bản về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.